

# KINH TẾ- XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

- TSKH.PHẠM ĐỔ NHẬT TIỀN
- NGUYỄN QUANG KÍNH

(Tiếp theo kì trước)

## 2.2. Một số kịch bản khả dĩ đối với GDPT Việt Nam

Giáo dục tương lai như thế nào là tùy thuộc vào việc xây dựng chính sách và tổ chức thực hiện để phát huy tác dụng tích cực của các nhân tố KTXH.

Để hình dung về các khả năng xảy ra trong tương lai của giáo dục, ngày nay người ta thường sử dụng phương pháp kịch bản. Phương pháp này kết hợp logic và trí tưởng tượng để cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách những bức tranh tương lai mà cách tiếp cận logic truyền thống thường để bỏ qua.

Về lí thuyết, có thể xây dựng vô vàn mô hình khả dĩ theo các kịch bản khác nhau. Tuy nhiên, để đơn giản và thu hẹp phạm vi lựa chọn, người ta thường mô tả giáo dục trong một không gian hai chiều. Việc xác định hai chiều này phụ thuộc vào nội dung nghiên cứu. Ở đây, liên quan đến tác động KTXH đối với giáo dục, sẽ chọn hai chiều đo là: (1) mô hình cung ứng/quản lí giáo dục (chiều đo kinh tế), (2) mô hình tổ chức HTGD nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội (chiều đo xã hội).

Theo chiều đo 1, việc cung ứng/quản lí giáo dục nước ta đang chuyển từ mô hình chuẩn độc quyền sang mô hình chuẩn thị trường<sup>(1)</sup>. Theo chiều đo 2, căn cứ định hướng quy định bởi Đại hội Đảng X, chúng ta “chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học”.

Căn cứ theo hai chiều đo như thế, có thể xây dựng một ma trận hai hàng hai cột 2x2 như trình bày ở bảng (trang 7). Trong đó, để làm rõ nội dung chủ đạo theo hàng và theo cột, các đặc tính của mô hình cung ứng/quản lí giáo dục và mô hình tổ chức giáo dục được ghi ngay dưới tiêu đề của hàng và

cột. Khi đó, mỗi ô trong 4 ô của ma trận dành cho một kịch bản. Mỗi kịch bản, thể hiện một phương án lựa chọn, là kết quả lắp ghép giữa HTGD cùng hàng và cơ chế quản lí/ cung ứng giáo dục cùng cột, vì vậy nó có cả các đặc tính mở hoặc đóng của hệ thống và các đặc tính chuẩn độc quyền hoặc chuẩn thị trường của cơ chế quản lí/ cung ứng giáo dục. Do các đặc tính của mỗi mô hình HTGD và mỗi mô hình cung ứng/quản lí đã được ghi tường minh, nên mỗi ô biểu thị kịch bản không cần ghi các đặc tính mà chỉ ghi: ưu thế, rủi ro, tính khả thi của kịch bản đó.

Căn cứ vào 4 kịch bản nêu trên, có thể hình dung mô hình tương lai của giáo dục Việt Nam theo nhiều phương án: giữ nguyên kịch bản 1 (Aa), hoặc chuyển sang kịch bản 2 (Ab), 3 (Ba), 4 (Bb), hoặc một kịch bản trung gian nào đó.

Với giả định mô hình giáo dục Việt Nam trong tương lai là mô hình 4 (Bb – HTGD mở kèm theo cơ chế cung ứng/quản lí giáo dục chuẩn thị trường), dưới đây sẽ chỉ ra các yêu cầu chủ yếu đối với GDPT nước ta giai đoạn 10-15 năm tới.

## 3. Các yêu cầu chủ yếu đối với GDPT

### 3.1. GDPT phải trở thành nền tảng của giáo dục suốt đời

Trước hết cần nhận thức rằng HSD là một giai đoạn phát triển mới về chất của giáo dục. Nó không đơn thuần là việc đưa thêm giáo dục thường xuyên vào trong hệ thống giáo dục quốc dân mà là sự tái cấu trúc toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân để giáo dục chính quy, không chính quy và phi chính quy đều được đối xử bình đẳng, liên thông với nhau trên lộ trình trau dồi học vấn, tìm kiếm tri thức của người học. Khi đó, bản thân GDPT phải được tái cấu trúc để trở thành nền tảng của giáo dục suốt

(1) Khác với chuẩn có nghĩa là mẫu mực (tiêu chuẩn - standard), chuẩn ở đây có nghĩa là như (cứ như/ coi như - quasi); chuẩn độc quyền dùng để chỉ cái mà trong tiếng Anh gọi là quasi monopoly. Cũng vậy, chuẩn thị trường dùng để chỉ cái mà trong tiếng Anh gọi là quasi market

|  |   |   |
|--|---|---|
| <p>Cung ứng/quản lí giáo dục</p> <p>Tổ chức HTGD</p>   | <p><b>A. Cung ứng/quản lí chuẩn độc quyền</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà nước độc quyền quyết định và giữ vai trò chính trong cung ứng giáo dục, có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân.</li> <li>- Quản lí tập trung, nhà trường hoạt động theo sự chỉ đạo của cấp trên, chỉ giải trình với cấp trên, minh bạch không là yếu cầu bắt buộc.</li> <li>- Nhu cầu lựa chọn không được coi trọng; Không có yếu tố cạnh tranh trong hoạt động của HTGD</li> </ul> | <p><b>B. Cung ứng/quản lí chuẩn thị trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà nước chia sẻ trách nhiệm với các tổ chức dân sự và vẫn giữ vai trò chính trong cung ứng giáo dục</li> <li>- Quản lí phi tập trung, nhà trường tự chủ và có trách nhiệm giải trình với xã hội, minh bạch là yếu cầu bắt buộc</li> <li>- Nhu cầu lựa chọn được coi trọng; cơ chế cạnh tranh được đưa vào hoạt động của HTGD</li> </ul>  |
| <p><b>a. HTGD đóng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc hệ thống tập trung vào giáo dục chính quy, coi nhẹ không chính quy và phi chính quy, tính liên thông giữa các bộ phận bị hạn chế</li> <li>- Nội dung/ phương pháp giáo dục mang tính áp đặt đồng loạt; dạy, học và đánh giá hướng tới thi cử, văn bằng</li> <li>- Thống nhất được quan niệm là duy nhất (một chương trình/ một bộ sách giáo khoa ...)</li> <li>- Quản lí thiếu phối hợp liên ngành, hoạt động thiếu hợp tác với các thiết chế có chức năng giáo dục khác</li> </ul>                             | <p><b>Kịch bản 1 (Aa)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi thế: Không đòi hỏi bất kì một thay đổi cơ bản nào</li> <li>- Rủi ro: Một bộ phận đáng kể người có nhu cầu học tập không được đáp ứng; tồn tại giá trị ảo về chất lượng và hiệu quả; bất cập trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội và nhu cầu dân trí của người dân</li> <li>- Tính khả thi: đang diễn ra và có thể kéo dài</li> </ul>                          | <p><b>Kịch bản 2 (Ba)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi thế: Một bộ phận đáng kể người có nhu cầu học tập được đáp ứng; chất lượng và hiệu quả giáo dục hướng tới đáp ứng nhu cầu xã hội</li> <li>- Rủi ro: Gia tăng phân tầng và mất công bằng xã hội; nguy cơ chảy chất xám cao; thách thức về chất lượng giả trong giáo dục và tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.</li> <li>- Tính khả thi: thực hiện được với điều kiện hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản lí.</li> </ul> |
| <p><b>b. HTGD mở</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống được tái cấu trúc, ba bộ phận giáo dục chính quy, không chính quy và phi chính quy được coi trọng như nhau, tính liên thông giữa các bộ phận được tăng cường</li> <li>- Nội dung/ phương pháp giáo dục coi trọng đặc điểm cá nhân; dạy, học và đánh giá hướng tới phát huy tốt nhất năng lực và sở trường của cá nhân.</li> <li>- Thống nhất trong đa dạng (nhiều chương trình/ nhiều bộ SGK ...)</li> <li>- HTGD và các thiết chế có chức năng giáo dục khác hợp tác chặt chẽ thành bộ khung củaXHHT.</li> </ul> | <p><b>Kịch bản 3 (Ab)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi thế: Các nhu cầu học tập được đáp ứng</li> <li>- Rủi ro: Mâu thuẫn giữa các đặc tính của HTGD và cơ chế quản lí/ cung ứng; không đủ nguồn lực tài chính và thiếu động lực trong xây dựng và phát triển HTGD mở</li> <li>- Tính khả thi: Rất ít mặc dù đang được kì vọng</li> </ul>   | <p><b>Kịch bản 4 (Bb)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi thế: Các nhu cầu học tập được đáp ứng, Nguồn lực được tăng thêm, XHHT hình thành nhanh, Nhiều khả năng khắc phục yếu kém, lạc hậu và thực hiện mục đích giáo dục.</li> <li>- Rủi ro: Mất công bằng xã hội, chất lượng giả và chảy máu chất xám là những thách thức chính.</li> <li>- Tính khả thi: chỉ có khi CCGD là quyết tâm và ý chí chính trị của lãnh đạo.</li> </ul>  |

đời. Điều đó nghĩa là người học, ngay khi ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, phải được trang bị kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết sao cho họ sẽ trở thành những người học suốt đời. Theo hướng đó, nội dung, chương trình, cách dạy, cách học sẽ có những thay đổi cơ bản. Người dạy chuyển từ vị trí người cung cấp tri thức sang vị trí người dẫn dắt tới các nguồn tri thức. Người học chuyển từ cách học cứng nhắc, một mình, với việc thu nhận tri thức chủ yếu từ thầy sang cách học linh hoạt, theo nhóm, với rất nhiều kênh thu nhận tri thức. Việc đánh giá chuyển từ phân loại, sàng lọc trên cơ sở những tiêu chí máy móc của một lộ trình học tập duy nhất sang nhận dạng, định hình năng lực cá nhân để tư vấn, hướng dẫn người học theo những lộ trình khác nhau trên con đường học vấn.

**3.2. GDPT phải phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển bền vững**

Một trong những quan điểm chỉ đạo của Dự thảo Chiến lược phát triển KTXH 2011-2020 là “Phát triển bền vững phải là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược và quá trình thực hiện Chiến lược”. Theo cách hiểu của UNESCO và cũng là cách hiểu của Việt Nam, phát triển bền vững phải được mô tả theo ba chiều đo có quan hệ tương tác với nhau theo thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai) và không gian (địa phương, khu vực, toàn cầu). Thứ nhất là sự phát triển xã hội bền vững, hướng tới gắn kết cộng đồng, công bằng xã hội. Thứ hai là sự phát triển môi trường bền vững, tập trung vào phát triển các hệ sinh thái tự nhiên để duy trì năng lực nuôi dưỡng của Trái đất. Cuối cùng là phát triển kinh tế bền vững, tập trung vào việc hoàn thiện hạ tầng kinh tế với các nguồn lực tự nhiên và con người của nó.

Giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng đóng vai trò nền tảng để đưa sự vận động của thế giới ngày nay và của từng quốc gia vào quỹ đạo của phát triển bền vững theo cả 3 chiều đo nói trên. Ngoài bốn cột đỡ truyền thống là học để biết, học để hành, học để chung sống, học để thành người, giáo dục vì sự phát triển bền vững đòi hỏi một cột đỡ thứ năm là học để thay đổi bản thân và xã hội (UNESCO, 2009). Điều đó dẫn đến những thay đổi cơ bản trong chương trình giáo dục phổ thông mà Việt Nam cần phải tính đến trên cơ sở học tập kinh nghiệm thế giới để xây dựng vốn xã hội (social capital) và vốn môi trường (environmental capital) cần thiết trong mỗi công dân Việt Nam tương lai.

**3.3. GDPT phải tập trung vào mục tiêu xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam**

Nhân cách được hiểu là mức độ phù hợp của thang giá trị và định hướng giá trị của cá nhân với thang giá trị và định hướng giá trị của cộng đồng và xã hội. Trong một xã hội đang chuyển đổi mạnh mẽ như xã hội Việt Nam, từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN, từ sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, từ xã hội truyền thống và khép kín sang xã hội hiện đại và hội nhập, điều tất yếu là có sự biến động tương ứng của thang giá trị và định hướng giá trị với những đảo lộn không tránh khỏi. Điều đó đã và đang diễn ra với những biểu hiện cả tiêu cực và tích cực mà mỗi người chúng ta đều có thể nhận thấy trong đời sống xã hội nói chung, hoạt động giáo dục nói riêng. Tuy nhiên, với điều kiện chính trị ổn định và sự phát triển KTXH của đất nước, xu thế vận động chung của hệ thống giá trị là tích cực: các giá trị cốt lõi được bảo tồn, củng cố và đóng vai trò hạt nhân trong việc tiếp nhận, hấp thu, chuyển hoá các giá trị mới. Điều đáng quan tâm là, đang có sự chuyển dịch đáng lo ngại giữa thang giá trị và định hướng giá trị của thanh thiếu niên so với thang giá trị và định hướng giá trị của xã hội. Tính lương thiện, trung thực, ngay thẳng, niềm tin, đang là những giá trị bị xuống hạng trong nhân cách một bộ phận đáng kể không chỉ ở lớp trẻ. Nếu tình trạng này không kịp thời được khắc phục thì những lời lẽ cao sang về xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, những định hướng to tát về nhân cách như lí tưởng, lối sống, lòng tự tôn dân tộc sẽ chỉ mãi dừng lại ở những lời nói suông. Dĩ nhiên, xây dựng và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam là nhiệm vụ của toàn xã hội, nhưng GDPT phải đóng vai trò tiên phong và nền tảng.

**3.4. GDPT phải được hiện đại hóa theo hướng nhà trường phổ thông là trường học của ngày mai**

Cho đến nay, hiện đại hóa giáo dục phổ thông được hiểu đơn thuần là ứng dụng công nghệ hiện đại, chủ yếu là ICT, vào tổ chức và hoạt động nhà trường. Đó là cách tiếp cận thụ động. Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đã chuyển sang cách tiếp cận chủ động, nghĩa là trên cơ sở dự báo bước tiến của ICT để tái cấu trúc nhà trường từ kiến trúc, tổ chức trường lớp, chương trình giáo dục sao cho trường học là trường học của ngày mai.

Dự báo bước tiến của ICT cho biết, đến năm 2020, công nghệ số có mặt trong hầu hết mọi vật dụng hàng ngày như quần áo, chìa khóa, sổ tay, bút viết,

tài liệu. Môi trường số hình thành ở khắp nơi và tương tác với mọi cá nhân để mỗi người đều biết mình đang ở đâu, làm gì, muốn gì. Liên kết mạng trở thành phổ biến giữa các tổ chức, các cá nhân, tất nhiên không loại trừ các trường học, các nhà giáo và học sinh. Việc xử lý thông tin, hình ảnh, âm thanh được thực hiện dễ dàng trên mọi máy tính cá nhân và dung lượng các bộ nhớ lớn đến mức có thể lưu trữ mọi dữ liệu mong muốn. Tất cả những thay đổi đó đòi hỏi các nhà hoạch định giáo dục phải trả lời các câu hỏi: sứ mệnh và vai trò của nhà trường phổ thông là gì trong việc cung cấp tri thức? tổ chức trường lớp theo kiểu hiện nay có còn phù hợp nữa không? chương trình giáo dục cần thay đổi như thế nào? v.v... Nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đều đã tiến hành các nghiên cứu cần thiết và chuyển động theo hướng xây dựng nhà trường điện tử, trường học thông minh. Nếu chúng ta không có định hướng rõ ràng trong chủ trương hiện đại hóa giáo dục phổ thông, chắc chắn giáo dục Việt Nam sẽ tiếp tục tụt hậu xa hơn nữa chẳng những so với giáo dục các nước phát triển hàng đầu mà ngay cả so với các nước trong khối.

### *3.5 .GDPT phải được chuẩn hóa theo hướng chuyển dần sang cá biệt hóa*

Chuẩn hóa giáo dục là bước đi cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục. Đó cũng là bước đi tương thích với tư duy sản xuất hàng loạt theo chuẩn của nền văn minh công nghiệp. Với bước chuyển từ văn minh công nghiệp sang văn minh trí tuệ, cùng sự trợ giúp của công nghệ hiện đại, tư duy sản xuất hàng loạt cũng đang được thay thế bởi tư duy sản xuất cá biệt hóa, đáp ứng các nhu cầu khác biệt của người tiêu dùng. Giáo dục ngày nay cũng đang có xu thế đi theo hướng đó. Giáo dục cá biệt hóa là sự phát triển cao hơn của giáo dục phân hóa, nó hướng tới việc khai thác và phát huy mọi năng lực và sở trường cá nhân theo quan điểm mỗi người đều có chỉ số thông minh khác nhau trong những lĩnh vực khác nhau như trí tuệ, cảm xúc, vận động, thuyết trình, không gian v.v... Giáo dục cá biệt hóa tạo quyền lựa chọn cho người học về nội dung học, thời gian học, cách học. Dĩ nhiên, sự lựa chọn phải được thực hiện trong khuôn khổ của những mục tiêu xác định mà người học phải đạt, cùng những chuẩn cụ thể để đánh giá. Theo OECD, giáo dục cá biệt hóa không phải là sự từ bỏ chương trình giáo dục quốc gia, nó cũng không cho phép người học buông thả theo kiểu thích học thế nào thì học. Giáo dục cá

biệt hóa là nâng chuẩn để việc dạy và học tập trung vào năng lực và sở thích của riêng mỗi người học; là phương thức dạy và học được nhà trường điều chỉnh sao cho mỗi học sinh đều đạt kết quả cao nhất có thể được (OECD, 2006). Có thể nói, giáo dục cá biệt hóa là sự cụ thể hóa tư tưởng lấy người học làm trung tâm trong điều kiện áp dụng mạnh mẽ các lợi thế của ICT khi giáo dục chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình HSD và nhà trường gắn bó chặt chẽ với cộng đồng thông qua mạng giáo dục. Giáo dục cá biệt hóa đã chuyển từ nghiên cứu lý luận sang tổ chức thực hiện hơn 10 năm nay và kéo theo nhiều tranh cãi, nhưng “có bằng chứng chắc chắn là nhiều thành phần của cách tiếp cận học tập cá biệt hóa tỏ ra thành công trong một loạt bối cảnh khác nhau trên thế giới”(Office for education policy, 2007). Nếu giáo dục phổ thông Việt Nam trong tương lai chuyển động theo hướng trở thành nền tảng của giáo dục suốt đời và hiện đại hóa theo mệnh lệnh của ICT thì để nhanh chóng tiếp cận với giáo dục tiên tiến trên thế giới, việc chuẩn hóa phải được tiếp tục hoàn thiện để tiến tới cá biệt hóa.

### *3.6. GDPT phải được xã hội hóa theo nguyên tắc bảo đảm GDPT là lợi ích công*

Trong cam kết về GATS, nước ta không cam kết mở cửa GDPT, nơi giữ trọng trách trong việc xây dựng nhân cách thế hệ tương lai của đất nước. Điều này thể hiện quyết tâm của Nhà nước bảo đảm để GDPT về cơ bản là một lợi ích công. Tuy nhiên, có một thực tế là trong GDPT hiện nay ở nước ta đã hình thành một thị trường, dù còn nhỏ bé và tự phát, nhưng rồi sẽ tiếp tục phát triển trong tiến trình xã hội hóa và thương mại hóa dịch vụ giáo dục theo quy định của GATS. Vấn đề là ở chỗ phải đối diện với thị trường này, quản lý nó, định hướng cho sự phát triển tự giác của nó để giảm thiểu các mặt trái của thị trường. Ở đây, điều đáng quan tâm nhất là sự mất công bằng xã hội. Nghiên cứu khoa học chỉ ra rằng, ở GDPT, đặc biệt là đối với các cấp học phổ cập, mất công bằng xã hội sẽ làm giảm hiệu quả giáo dục nói chung, giảm lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân mà giáo dục có thể đem lại. Biện pháp cơ bản để khắc phục là sự can thiệp của Nhà nước theo hướng bảo đảm để các cấp học phổ cập, cả tiểu học và THCS, đều được miễn phí (và miễn phí thật sự); việc xã hội hóa GDPT được thực hiện chủ yếu theo cơ chế phi lợi nhuận; cơ chế cạnh tranh được thực hiện theo nguyên tắc Nhà nước tiếp tục giữ vai trò là người cung ứng tài chính cho GDPT còn việc điều hành

từng nhà trường có thể giao cho các tổ chức xã hội dân sự trên cơ sở đấu thầu cạnh tranh.

#### 4. Kết luận

Trong xã hội, đặc biệt là giới trí thức, đã và đang có nhiều ý kiến phản biện về giáo dục. Điểm chung ai cũng đồng ý là, phải thay đổi thực trạng bất cập, lạc hậu hiện nay song, thay đổi - phát triển như thế nào và bằng cách gì, tiếp tục “đổi mới” hay tiến hành “cải cách”, thì chưa có sự đồng thuận. Bên cạnh đó, lại có ý kiến cho rằng, “đổi mới” hay “cải cách” chỉ là vấn đề từ ngữ, điều quan trọng là cần thống nhất về nội dung. Thực ra, ở đây có sự khác biệt cả về nội dung, phạm vi và phương thức tổ chức thực hiện. Cải cách giáo dục, từ trước đến nay, được hiểu là quá trình tạo ra giai đoạn phát triển mới về chất của giáo dục. Đó là sự thay đổi cơ bản, sâu sắc và toàn diện về mô hình tổ chức, định hướng phát triển và mục tiêu của cả HTGD, đồng thời xác lập ràng buộc pháp lí về trách nhiệm của các ngành, các cấp, của các cộng đồng và toàn xã hội để huy động sức mạnh tổng hợp nhằm khắc phục những yếu kém bất cập về cơ cấu hệ thống, về nội dung và phương pháp dạy và học, về phát triển đội ngũ giáo viên, về tổ chức và quản lí nhà trường. Như vậy, cải cách giáo dục hoàn toàn khác với cách giải quyết những vấn đề của giáo dục theo kiểu tình thế, chấp vá, không đồng bộ và thiếu hệ thống. Tới đây, dù có đặt ra yêu cầu đổi mới “cơ bản, toàn diện, triệt để” mà vẫn khoanh lại trong khuôn khổ trách nhiệm của riêng ngành giáo dục, không có cơ chế thu hút đội ngũ trí thức, không huy động các ngành, các cấp và toàn xã hội tham gia, thì khó có thể tạo ra kết quả gì khác trước.

Hiện nay ở nhiều quốc gia, phần lớn là các nước phát triển, đang tiến hành cải cách giáo dục toàn bộ hoặc từng phần, để thế hệ mới bước ra từ nhà trường của nền giáo dục mới ứng phó thành công trước những thay đổi nhanh chóng và khó lường của một thế giới bị tác động bởi quá trình toàn cầu hoá, bước chuyển sang kinh tế tri thức, cách mạng ICT, cùng những bài toán toàn cầu liên quan đến sự phát triển bền vững như dân số, môi trường, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh. Điều chắc chắn là, họ cải cách giáo dục không phải vì trước đó họ yếu kém, mà vì yêu cầu của sự phát triển cao hơn và cạnh tranh quốc tế.

Giờ đây, đã đến lúc phải lựa chọn, hoặc duy trì mô hình giáo dục cũ với những thay đổi bộ phận rồi mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng theo những chuẩn mực đã có, hoặc chuyển sang một mô hình

mới để chẳng những đáp ứng yêu cầu mới mà quan trọng hơn còn vì, giáo dục cần có sự đổi thay để thúc đẩy KTXH phát triển.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, *Báo cáo kết quả suy rộng mẫu trong tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009, Hà Nội 12/2009.*
2. CERI, *Trends shaping education, OECD, 2008*
3. Hans Daanen & Kari Facer, 2020 and beyond: *Future scenarios for education in the age of new technologies, Futurelab 2007.*
4. Nguyễn Thị Bình, *Báo cáo Tổng kết đề tài B1-2 TM-KHXH “Luận cứ khoa học cho việc đề xuất chủ trương, chính sách phát triển giáo dục phục vụ sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu và đầy đủ”, Hà Nội 2008.*
5. Nguyễn Tiến Đạt, *Các mô hình phân bổ ưu tiên trong chi phí công cộng của các nước trên thế giới và tình hình ở Tiểu vùng sông Mêkông, Tạp chí KHGD, số 55, tháng 4/2010.*
6. OECD, *Schooling for tomorrow: Personalising education, OECD 2006.*
7. UNESCO, *Review of contexts and structures for education for sustainable development. Paris 2009, trang 26.* Ngoài ra, *Hội nghị về học suốt đời do ASEM tổ chức tháng 11/2009 tại Nha Trang cũng đưa ra một quan điểm chủ đạo là việc học phải dựa trên 5 cột đỡ: để biết, để hành, để thành người, để chung sống, và để bảo vệ hành tinh (xem ASEM Education and Research Hub for Lifelong Learning, e-Newsletter No10, Nov.2009.*
8. World Economic Forum, *The Global Competitiveness Report 2005-2006, trang xxii.*
9. World Economic Forum, *The Global Competitiveness Report 2009-2010, trang 12*

#### SUMMARY

*Analysing the socio-economic factors shaping Vietnam education in the next 15-20 years and adapting OECD scenarios approach in Schooling for Tomorrow project, this article aimed to identify basic requirements for the future development of Vietnam general education, namely general education should be foundation for lifelong learning, promotion for sustainable development, focusing on the development of Vietnamese personality, modernised according to ICT imperative, standardised in view of personalising learning, and socialised so as general education remains a public good.*